|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN**  **TỈNH BẮC KẠN**  Số: 1153/QĐ-UBND | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc Bắc Kạn, ngày 03 tháng 7 năm 2024 |

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc điều chỉnh đơn giá bồi thường đối với cây trồng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn tại Quyết định số 419/QĐ-UBND**

**ngày 16/3/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn**

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;*

*Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;*

*Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNTMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;*

*Căn cứ Quyết định số 419/QĐ-UBND ngày 16/3/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn về việc công bố đơn giá bồi thường đối với cây trồng, vật nuôi là thủy sản khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn;*

*Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 106/TTr-SNN ngày 28/6/2024.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Điều chỉnh đơn giá bồi thường của cây Quế và cây Mộc hương tại Quyết định số 419/QĐ-UBND ngày 16/3/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn về việc công bố đơn giá bồi thường đối với cây trồng, vật nuôi là thủy sản khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn như Phụ lục chi tiết kèm theo.

Các nội dung khác không điều chỉnh tại Quyết định này tiếp tục thực hiện theo Quyết định số 419/QĐ-UBND ngày 16/3/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn.

**Điều 2.** Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  **CHỦ TỊCH**  **Nguyễn Đăng Bình** |

**Phụ lục: ĐIỀU CHỈNH ĐƠN GIÁ BỒI THƯỜNG CÂY QUẾ VÀ CÂY MỘC HƯƠNG**

**KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẮC KẠN**

*(Kèm theo Quyết định số 1153/QĐ-UBND ngày 03 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn)*

*\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tên cây trồng** | **Quy định tại Quyết định số 419/QĐ-UBND**  **ngày 16/3/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn** | | | **Đơn giá sau điều chỉnh** | | |
| **Đơn vị tính** | **Quy cách - Phẩm cấp** | **Đơn giá (đồng)** | **Đơn vị tính** | **Quy cách - Phẩm cấp** | **Đơn giá (đồng)** |
| **1. Cây Quế** | Cây | - Cây mới trồng  - Cây trồng cao ≤ 03m  - Cây trồng cao > 03m  - Cây cho thu hoạch ĐK từ 05 đến < 10cm  - Cây cho thu hoạch ĐK từ 10 đến < 20cm  - Cây cho thu hoạch ĐK từ 20 đến < 30cm  - Cây đã cho thu hoạch ĐK từ 30cm trở lên | 50.000\*  80.000\*  100.000\*  150.000  250.000  350.000  430.000 | Cây | - Cây trồng mới trồng ĐK < 05cm  - Cây trồng ĐK từ 0,5 đến < 2,0cm  - Cây trồng ĐK từ 2,0 đến < 5,0cm  - Cây cho thu hoạch ĐK từ 05 đến < 10cm  - Cây cho thu hoạch ĐK từ 10 đến < 20cm  - Cây cho thu hoạch ĐK từ 20 đến < 30cm  - Cây đã cho thu hoạch ĐK từ 30cm trở lên | 25.000  50.000  100.000  150.000  250.000  350.000  430.000 |
| **2. Cây Mộc hương** | Cây | - Cây mới trồng, cây có ĐK < 02cm | 100.000 | Cây | - Cây con trong vườm ươm | 30.000 |
| Cây | - Cây có ĐK từ 02 - 05cm | 500.000 | Cây | - Cây có đường kính ≤ 01cm | 70.000 |
| Cây | - Cây có ĐK từ 05cm trở lên | 1.000.000 | Cây | - Cây có đường kính > 01 đến 1,5cm | 120.000 |
|  |  |  | Cây | - Cây có đường kính >1,5 đến 02cm | 200.000 |
|  |  |  | Cây | - Cây có đường kính > 02 đến 2,5cm | 250.000 |
|  |  |  | Cây | - Cây có đường kính > 2,5 đến 03cm | 350.000 |
|  |  |  | Cây | - Cây có đường kính > 03 đến 05cm | 500.000 |
|  |  |  | Cây | - Cây có đường kính > 05cm | 1.000.000 |